

VINMASTIC®

Matít bitum xám chèn khe và vết nứt, thi công nóng.

MÔ TẢ

VINMASTIC® là sản phẩm được chế tạo dựa trên cơ sở bitum chất lượng cao, biến tính với polyme, cao su và các loại phụ gia đặc biệt khác. Sản phẩm có màu đen, thi công nóng, phù hợp với các tiêu chuẩn ASTM D1190, ASTM D6690 và TCVN 9974.

PHẠM VI ỨNG DỤNG

- Xăm chèn khe và vết nứt cho mặt đường bê tông xi măng và mặt đường bê tông nhựa asphalt.
- Xăm chèn khe và vết nứt cho kết cấu sàn bê tông như: sân mái, sân nhà xưởng công nghiệp,...
- Sửa chữa vết nứt đường bê tông nhựa asphalt.
- Chống thấm và bảo vệ bê tông, bê tông cốt thép.

LƯU Ý

- Bám dính tốt với bê tông xi măng.
- Liên kết tốt với bê tông nhựa asphalt.
- Độ lún đàn hồi cao.
- Dễ thi công.
- Hiệu quả kinh tế cao.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Chuẩn bị bề mặt:

- Làm sạch bề mặt, khe, vết nứt bê tông xi măng, bê tông nhựa khỏi bụi bẩn, đất, cát, đá.
- Khe, vết nứt phải khô.

Thi công:

- Làm nóng chảy **VINMASTIC®** bằng thiết bị chuyên dụng hoặc thủ công ở nhiệt độ khoảng

190 ± 5°C. Nên sử dụng đến đâu thì làm nóng chảy sản phẩm đến đó. Trong quá trình gia nhiệt, không nên để nhiệt độ của **VINMASTIC®** quá 210°C.

- Trộn đều khi **VINMASTIC®** được nóng chảy hết. Khi sử dụng **VINMASTIC®**, không trộn thêm với bất kỳ vật liệu nào khác nữa.
- Sử dụng thiết bị bơm hoặc rót thủ công vào vị trí cần xăm, chèn, chống thấm.

Lưu ý:

- + Mặc đầy đủ trang phục bảo hộ lao động (quần, áo, giày, mũ, gang tay vải,...) trong suốt quá trình thi công.
- + Tránh hít phải khói, hơi của vật liệu khi đang đun nóng.
- + Sử dụng các biện pháp thông gió trong quá trình thi công

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG

Tùy thuộc vào mục đích sử dụng, dùng để:

- Chèn khe: theo thiết kế.
- Sửa chữa vết nứt: theo thực tế hiện trường
- Chống thấm: 1,5 ÷ 2,5 kg/m².

ĐÓNG GÓI

Trong thùng giấy carton 25kg.

LƯU TRỮ VÀ BẢO QUẢN

Nơi khô ráo, thoáng mát.

THÔNG TIN VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

- Sinh thái học: Đổ bỏ theo qui định địa phương.
- Vận chuyển: Không nguy hiểm.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Chỉ tiêu	Mức chất lượng				Phương pháp thử
	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	
Độ côn lún ở 25°C	≤ 90	≤ 90	≤ 90	90 ÷ 150	TCVN 9974:2013
Điểm hóa mềm, °C	≥ 80	≥ 80	≥ 80	≥ 80	TCVN 7497:2005
Độ lún đàn hồi, %	≥ 30	≥ 60	≥ 60	≥ 60	TCVN 9974:2013
Độ chảy ở 60°C sau 5 giờ, mm	≤ 5	≤ 3	≤ 3	≤ 3	TCVN 9973:2013
Tính tương thích với nhựa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	TCVN 9974:2013
Khối lượng riêng, g/cm ³	1,15 ± 0,10	1,15 ± 0,10	1,15 ± 0,10	1,15 ± 0,10	TCVN 7501:2005

Các thông tin cũng như hướng dẫn liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm do VIETSTAR sản xuất, chúng tôi cung cấp dựa trên thiện chí, kiến thức và kinh nghiệm hiện tại về sản phẩm của VIETSTAR trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng ở điều kiện thông thường. Khi ứng dụng thực tế, chúng tôi không đảm bảo sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật liệu, điều kiện thực tế tại công trường cũng như không có bất kỳ một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay bất cứ một sự tư vấn nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công mà họ mong muốn hay không. VIETSTAR có quyền thay đổi đặc tính sản phẩm của mình. Người sử dụng phải luôn tham khảo tài liệu kỹ thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VIETSTAR

Trụ sở chính: Đục Khê, Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội, Việt Nam

Nhà máy: Lô CN-1, KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: (024) 37880016 Email: contact@vietstarindustry.vn Website: vietstarindustry.vn

